

NỘI DUNG BÀI HỌC KHỐI 6

VĂN BẢN:

CÂY TRE VIỆT NAM

Thép Mới

I. Đọc-hiểu chú thích

1, Tác giả-tác phẩm: SGK/98

2, Đại ý:

Tre là bạn thân của nhân dân VN. Tre có khắp đất nước; gắn bó giúp con người trong đời sống, lao động, chiến đấu...

3, Bố cục: 4 đoạn.

II. Đọc - hiểu văn bản

1, Những phẩm chất của cây tre:

- ...Ở đâu tre cũng xanh tốt
- ...dáng...mọc mọc, màu...tươi nhũn nhặn
- ...Cứng cáp, dẻo dai, vững chắc, thanh cao, giản dị, chí khí như người.

→ **Nhân hoá:** Tre mang phẩm chất tốt đẹp của con người.

2, Sự gắn bó của cây tre với con người và dân tộc Việt Nam :

- Bóng tre trùm lên âu yếm làng, bản, xóm, thôn.
- Dưới bóng tre xanh, người Việt Nam dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang.
- Tre vất vả mãi với con người...tre là người nhà, khăng khít với đời sống hàng ngày, tre kháng chiến, tre là đồng chí..., cùng ta đánh giặc...giữ làng, giữ nước...
- Tre anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu

→ **Nhân hoá:** Tre gắn bó với con người Việt Nam trong cuộc sống, lao động và chiến đấu

3, Tre với dân tộc Việt Nam trong hiện tại và tương lai :

- Tre còn mãi với dân tộc Việt Nam chia vui sẻ ngọt
- Cây tre là tượng trưng cao quý của dân tộc Việt Nam

4. Ghi nhớ: SGK/100

III. Bài tập:

Em hãy viết đoạn văn ngắn từ 5-6 câu nêu cảm nhận của em về hình ảnh cây tre Việt Nam.

ÔN TẬP TRUYỆN VÀ KÝ

I. Tìm hiểu bài

1. Một số tác phẩm HK2

STT	TÊN TÁC PHẨM (hoặc đoạn trích)	TÁC GIẢ	THỂ LOẠI	TÓM TẮT NỘI DUNG
1	BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN (Trích “Dế mèn phiêu lưu ký”)	TÔ HOÀI	Truyện (đoạn trích)	Dế Mèn có vẻ đẹp cường tráng của tuổi trẻ nhưng tính nết còn kiêu căng, xốc nổi. Mèn trêu chọc Cốc, gây ra cái chết cho Dế Choắt, Mèn hối hận, rút ra bài học...
2	SÔNG NƯỚC CÀ MAU (Trích “Đất rừng phương Nam”)	ĐOÀN GIỎI	Truyện dài (Đoạn trích)	Cảnh sông nước Cà Mau có vẻ đẹp rộng lớn, hùng vĩ, đầy sức sống hoang dã. Chợ Năm Căn tấp nập, trù phú, độc đáo.
3	BỨC TRANH CỦA EM GÁI TÔI	TẠ DUY ANH	Truyện ngắn	Tài năng hội họa, tình cảm trong sáng, lòng nhân hậu của người em gái đã giúp người anh nhận ra phần hạn chế của mình.
4	VƯỢT THÁC (Trích “Quê Nội”)	VÕ QUẢNG	Truyện (đoạn trích)	Cảnh vượt thác của con thuyền trên sông Thu Bồn, làm nổi bật vẻ hùng dũng và sức mạnh của con người trên nền cảnh thiên nhiên rộng lớn hùng vĩ.
5	BUỔI HỌC CUỐI CÙNG	AN-PHONG-XO (PHÁP)	Truyện ngắn	Buổi học tiếng Pháp cuối cùng ở vùng An-dát bị quân Phổ chiếm đóng và hình ảnh cảm động của thầy Ha-men Thể hiện lòng yêu nước, yêu tiếng nói dân tộc.
6	CÔ TÔ	NGUYỄN TUÂN	Kí (trích)	Cảnh thiên nhiên và sinh hoạt của con người vùng đảo Cô Tô trong sáng và tươi đẹp.
7	CÂY TRE VIỆT NAM	THẾP MỚI	Kí	Cây tre là một người bạn thân thiết lâu đời của nông dân và nhân dân VN trong cuộc sống lễ và chiến đấu! Tre có vẻ đẹp bình dị và nhiều phẩm chất quý báu, trở thành biểu tượng của đất nước, dân tộc VN
8	LÒNG YÊU NƯỚC (Trích bài báo “Thư	I-LI-A E-REN-BUA	Tuỳ bút	Thể hiện tinh thần yêu nước tha thiết, sâu sắc, của tác giả và người dân xô viết trong chiến tranh vệ quốc.

	lửa”)	(NGA)		Nói lên chân lý: Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất: yêu nhà, lòng xóm, miền quê trở nên lòng yêu Tổ Quốc
9	LAO XAO (Trích “Tuổi thơ im lặng”)	DUY KHÁN	Hồi ký tự truyện (đoạn trích)	Bức tranh cụ thể, sinh động, nhiều màu sắc về thế giới các loài chim ở đồng quê.

II. ĐẶC ĐIỂM CỦA TRUYỆN, KÝ:

ST T	TÊN TÁC PHẨM (hoặc đoạn trích)	THỂ LOẠI	CỐT TRUYỆN	NHÂN VẬT	NHÂN VẬT KỂ CHUYỆN
1	BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN.	Truyện	Có Kể theo trình tự thời gian	Dế Mèn (Dế Choắt, Cốc, Cào Cào, Gọng Vó)	Dế Mèn (ngôi kể thứ nhất)
2	SÔNG NƯỚC CÀ MAU	Truyện dài			Bé An (ngôi I)
3	BỨC TRANH CỦA EM GÁI TÔI	Truyện Ngắn	Có Kể theo trình tự thời gian	Người anh, Kiều Phương (chú Tiến Lê, bé Quỳnh, bố mẹ Kiều Phương)	Người anh trai (ngôi I)
4	VƯỢT THÁC	Truyện		Dượng Hương Thư, các bạn đi thuyền	Cục và Cù Lao (ngôi I)
5	BUỔI HỌC CUỐI CÙNG	Truyện Ngắn	Có Kể theo trình tự thời gian	Chú bé Phrăng, thầy Hamen, cụ Hôde, dân làng...	Chú bé Phrăng (ngôi I)
6	CÔ TÔ	Kí		Gia đình Châu Hoà Mãn, dân đảo.	Tác giả (ngôi I)
7	CÂY TRE VN	Kí			
8	LÒNG YÊU NƯỚC	Tuỳ bút			
9	LAO XAO	Hồi kí			Tác giả (ngôi I)

Nhận Xét:

- Truyện và kí thường thuộc loại văn tự sự. Tự sự là phương thức tái hiện đời sống chủ yếu bằng tả và kể. Tác phẩm tự sự có lời kể, các chi tiết và hình ảnh về thiên nhiên, xã hội, con người, thể hiện cái nhìn và thái độ của người kể.
- Truyện phần lớn dựa vào sự tượng trưng, sáng tạo của tác giả trên cơ sở quan sát, tìm hiểu đời sống. Kí chú trọng ghi chép, kể những gì thực đã xảy ra.
- Truyện thường có cốt truyện và nhân vật. Kí thường không có cốt truyện, có khi không có cả nhân vật.

III. CẢM NHẬN về đất nước, cuộc sống và con người qua những truyện kí đã học:

- Vẻ đẹp phong phú, hùng vĩ của thiên nhiên, đất nước (**Sông nước Cà mau, Vượt thác, Cô Tô**)
- Cuộc sống trù phú, sinh hoạt của con người VN (**Sông nước Cà Mau, Cô Tô, Cây tre Việt Nam**)
- Con người lao động dũng cảm (**Vượt thác**), cần cù (**Cô Tô**), nhân hậu (**Bức tranh của em gái tôi**), có nhiều phẩm chất đáng quý (**Cây tre Việt Nam**)...

IV. Ghi nhớ: SGK / 118

VIẾT ĐƠN

I. Tìm hiểu bài

1, Khi nào cần viết đơn?

(Đơn được viết ra giấy) Để đạt hai nguyện vọng với người hay cơ quan, tổ chức có quyền hạn giải quyết nguyện vọng đó

2, Các loại đơn và những nội dung không thể thiếu trong đơn:

- Có 2 loại: Đơn theo mẫu
- Đơn không theo mẫu
- Phần quan trọng trong đơn
- ☐ Ai gửi đơn? (người gửi)
- ☐ Gửi cho ai? (người nhận)
- ☐ Gửi để làm gì? (mục đích gửi đơn)

3, Cách thức viết đơn:

a, Đơn theo mẫu:

Là những đơn đã có mẫu đã cho sẵn chúng ta chỉ cần điền vào chỗ trống những nội dung cần thiết.

b, Đơn không theo mẫu:

Chúng ta tự viết đơn như trình bày đơn theo quy tắc sau:

- ☐ Quốc tịch
- ☐ Nơi ngày làm đơn
- ☐ Tên đơn
- ☐ Họ tên, nơi công tác (nơi ở) của người viết đơn
- ☐ Trình bày sự việc, lý do nguyện vọng.
- ☐ Cam kết và cảm ơn
- ☐ Ký, ghi rõ họ tên

II. Bài học: ghi nhớ /sgk

☐ **Luyện Tập:**

BÀI TẬP: HỌC SINH VẬN DỤNG VIẾT CHO MÌNH MỘT ĐƠN XIN ĐI THAM QUAN HOẶC XIN THAM GIA VÀO ĐỘI THIẾU NIÊN TIỀN PHONG HỒ CHÍ MINH.

VĂN BẢN:

BỨC THƯ CỦA THỦ LĨNH DA ĐỎ (2 tiết)

(Xi-át-ton)

I. Đọc- hiểu chú thích:

1. Tác giả, tác phẩm:

(sgk/138)

2. Cấu trúc:

- Thể loại: Thư từ
- PTBD: miêu tả+ biểu cảm.
- Bố cục: 3 đoạn

II. Tìm hiểu văn bản:

1. Những điều thiêng liêng trong kí ức người da đỏ:

- Người da đỏ đối xử với đất đai bằng tình yêu bền chặt.
 - Nghệ thuật so sánh, nhân hóa, điệp từ ngữ.
- ➔ Tác dụng: sự vật hiện lên rất thiêng liêng, gần gũi, thân thiết với con người nên không dễ gì đem bán.

2. Những lo âu của người da đỏ về đất đai, môi trường tự nhiên:

- Đất đai, môi trường sẽ bị người da trắng tàn phá.
- Dùng thủ pháp đối lập và điệp ngữ.
- Tôn trọng sự hòa hợp với tự nhiên, yêu quý và có ý thức bảo vệ môi trường tự nhiên như mạng sống của mình.

3. Kiến nghị của người da đỏ:

- Thái độ kiên quyết, cứng rắn.
- Khẳng định triết lí đúng đắn, sâu sắc.

III: Tổng kết:

1. Nghệ thuật:

- Phép so sánh, nhân hóa, điệp ngữ, đối lập...
- Ngôn ngữ biểu cảm...

2. Nội dung:

- Đề chăm lo và bảo vệ mạng sống của chính mình, con người cần phải biết bảo vệ thiên nhiên và môi trường sống xung quanh.

* Ghi nhớ: SGK/140.

VI: Luyện tập:

Chữa lỗi về chủ ngữ và vị ngữ

I. Tìm hiểu bài

1. Câu thiếu chủ ngữ:

* Câu sai: Qua chuyện “Dế Mèn phiêu lưu kí” cho biết Dế Mèn biết phục thiện

* Sửa lại:

a. Qua Truyện “DMPLK”, tác giả (Tô Hoài) cho em thấy Dế Mèn biết phục thiện.

b. Truyện “DMPLK” cho em thấy Dế Mèn biết phục thiện.

c. Qua chuyện “DMPLK”, cho em thấy Dế Mèn biết phục thiện.

* Cách sửa lại câu thiếu CN:

a. Thêm CN

b. Biến Trạng ngữ thành Chủ ngữ

c. Biến Vị ngữ thành một cụm Chủ Vị

2. Câu thiếu vị ngữ:

* Câu sai: Hình ảnh Thánh Gióng cười ngựa sắt, vung roi sắt, xông thẳng vào quân thù.

* Sửa lại:

□ Hình ảnh Thánh Gióng.. quân thù/đã để lại trong em niềm mến phục

□ Em/ rất thích hình ảnh Thánh Gióng...quân thù

* Câu sai:

□ Bạn Lan, người học giỏi nhất lớp 6A.

* Sửa lại:

□ Em rất quý bạn Lan, người...lớp 6A.

Bạn Lan là người học giỏi nhất lớp 6A.

* Cách sửa lại câu thiếu VN

- Thêm VN

- Biến cụm từ đã cho thành một bộ phận của VN.

- Biến cụm từ đã cho thành một cụm chủ vị

II. Bài học: ghi nhớ

III. BÀI TẬP: Học sinh làm bài 1,2,3,4,5/sgk/ 120,130

Chữa lỗi về chủ ngữ và vị ngữ (tt)

I. Tìm hiểu bài

1. Câu thiếu cả chủ ngữ và vị ngữ:

*** Câu sai:**

a) Mỗi khi đi qua cầu Long Biên:

→ Câu thiếu CN và VN.

*** Sửa lại**

Mỗi khi đi qua cầu Long Biên, em gái muốn dừng chân để ngắm dòng sông Hồng.

*** Cách sửa:**

Thêm CN và VN

*** Câu sai:**

b) Bằng khối óc sáng tạo và bàn tay lao động của mình, chỉ trong vòng sáu tháng.

→ Câu thiếu CN-VN

*** Sửa lại:**

Bằng khối óc...sáu tháng, công nhân nhà máy X đã hoàn thành 60% kế hoạch năm

*** Cách sửa:**

Thêm CN-VN

2. Câu sai về quan hệ ngữ nghĩa giữa các thành phần câu:

*** Câu sai:**

Hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa, ta thấy dương Hương Thư ghì trên ngọn sào giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh, hùng vĩ.

→ Câu sai về ngữ nghĩa giữa các thành phần câu.

*** Sửa lại:**

Ta thấy dương Hương Thư hai hàm răng cắn chặt..... hùng vĩ.

*** Cách sửa:**

Sắp xếp lại các thành phần câu hoặc phải dùng thêm từ để biểu đạt đúng quan hệ ngữ nghĩa

II. ghi nhớ/ sgk/141

III. BÀI TẬP: HỌC SINH LÀM BÀI TẬP 1,2,3,4/ SGK/ 141, 142

ÔN TẬP VỀ DẤU CÂU

(DẤU CHẤM, DẤU CHẤM HỎI, DẤU CHẤM THAN)

I. Tìm hiểu bài

1. Công dụng:

a) Dấu chấm: đặt cuối câu trần thuật

VD: Giời chớm hè. Cây cối um tùm.

b) Dấu chấm hỏi: đặt cuối câu nghi vấn

VD: Con có nhận ra con không?

c) Dấu chấm than: Đặt cuối câu cầu khiến, câu cảm thán.

VD: Ôi thôi, chú mày ơi!

Cá ơi, giúp tôi với!

2, Chữa lỗi thường gặp:

VD1: (SGK/150):

- Câu a đặt dấu chấm đúng
- Câu b đặt dấu chấm chưa đúng

→ phải đặt dấu câu đúng chỗ.

VD2: (SGK/150):

a) Dấu chấm hỏi ở cuối câu (1) và (2) là chưa đúng → sửa lại: dùng dấu chấm.

b) Dấu chấm than ở cuối câu (3) là chưa đúng → sửa lại: dấu chấm → phải chú ý dùng dấu câu thích hợp khi viết

II. Bài học: SGK/ 150

III. BÀI TẬP: HỌC SINH LÀM BÀI 1,2,3,4/ SGK/ 151,152

ÔN TẬP VỀ DẤU CÂU

(DẤU PHẪY)

I. Tìm hiểu bài

1, Công dụng:

Dấu phẩy được dùng để đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận của câu:

- Giữa các thành phần phụ của câu với CN-VN
- Giữa các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu.

VD: Vừa lúc đó, sứ giả đem ngực sắt, roi sắt, áo giáp sắt đến

Trạng ngữ *cùng làm bổ ngữ*

Chú bé vùng dây vượn vai một cái, bỗng biến thành tráng sĩ

Cùng làm vị ngữ

- Giữa từ ngữ với bộ phận chú thích của nó.

VD: Suốt một đời người, từ khi lọt lòng đến khi nhắm mắt

bộ phận chú thích

xuôi tay, tre với mình sống chết có nhau chung thủy.

- Giữa các vế của câu ghép:

VD: Nước/ bị cản bọt văng tứ tung, thuyền/vùng vằng cứ

Vế 1 Vế 2

chục trut xuống.

2. Chữa lỗi thường gặp:

a) Chào mào, sáo sậu, sáo đen...Đàn đàn lũ lũ bay đi bay về, lượn lên lượn xuống. Chúng nó gọi nhau, trò chuyện, trêu ghẹo, và tranh cãi → tách các từ ngữ có cùng chức vụ.

b) Trên những ... cỏ thụ, những chiếc lá vàng...đơn sơ. Nhưng những hàng cau...mùa đông, chúng vẫn cò...đuôi én.

→ tách trạng ngữ, tách các vế câu ghép.

II. Bài học: SGK /158

III. BÀI TẬP: HỌC SINH LÀM BÀI 1,2,3/ SGK/ 159

